BỘ Y TẾ
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 528 /QĐ-ATTP

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2021

tuyet.attp_trantt Tuyet_31/12/2021 10:16:11

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm và biên bản thẩm xét hành động khắc phục;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **76/2021/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Nguyễn Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM
BỘ Y TẾ

Nguyễn Hùng Long

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số……/QĐ-ATTP ngày ……. tháng…... năm 2021 của Cục An toàn thực phẩm)

tuyet.dtt_Tran Thi Tuyet_30/12/2021 10:16:11

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/ phạm vi đo (nếu có)
I	**Lĩnh vực vi sinh**			
1	Định lượng tổng vi sinh vật ở 30°C	Thực phẩm	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1: 2013)	10 CFU/g 1 CFU/mL
2	Phát hiện và định lượng Coliform Kỹ thuật đếm có xác suất lớn nhất		TCVN 4882: 2007 (ISO 4831 : 2006)	0 MPN/g 0 MPN/mL
3	Định lượng Coliform Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	10 CFU/g 1 CFU/mL
4	Định lượng Bacillus cereus giả định trên đĩa thạch		TCVN 4992:2005 (ISO 7932:2004)	10 CFU/g 1 CFU/mL
5	Định lượng Staphylococci có phản ứng coagulase dương tính (Staphylococcus aureus và các loài khác) trên đĩa thạch – Kỹ thuật dùng môi trường Baird – Parker		TCVN 4830-1: 2005 (ISO 6888-1 : 1999/ AMD-1 : 2003)	10 CFU/g 1 CFU/mL
6	Phát hiện Listeria monocytogenes và Listeria spp.		ISO 11290-1 : 2017	LOD50: 2 CFU/25g, mL
7	Phát hiện Vibrio parahaemolyticus và Vibrio cholerae (non O1 and O139) (Kỹ thuật định danh hóa sinh)		ISO 21872-1 : 2017	LOD50: 2 CFU/25g, mL
8	Phát hiện và định lượng Escherichia coli giả định – Kỹ thuật đếm có xác suất lớn nhất		TCVN 6846: 2007 (ISO 7251:2005)	0 MPN/g 0 MPN/mL
9	Định lượng Escherichia coli dương tính β-glucuronidaza - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl β-D-		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	10 CFU/g 1 CFU/mL

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/ phạm vi đo (nếu có)
	glucuronid			
10	Phát hiện Salmonella spp.	Thực phẩm	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	LOD50: 1 CFU/25g, mL
11	Phát hiện và đếm vi khuẩn kỵ khí sinh H2S		TCVN 7902 : 2008 (ISO 15213: 2003)	10 CFU/g 1 CFU/mL
12	Định lượng Clostridium perfringens trên đĩa thạch		TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	10 CFU/g 1 CFU/ml
13	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform, E.coli	-Nước uống đóng chai; -Nước khoáng thiên nhiên đóng chai	TCVN 6187-1:2019 ISO 9308-1: 2014/AMD 1:2016	1CFU/100 mL 1CFU/250 mL
14	Phát hiện và đếm khuẩn đường ruột (Liên cầu phân)		TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2: 2000)	1CFU/100 mL 1CFU/250 mL
15	Phát hiện và đếm số Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit (Clostridia)- Phương pháp màng lọc		TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)	1CFU/50mL
16	Phát hiện và định lượng vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa		TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	1CFU/100 mL 1CFU/250 mL
17	Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí		ISO 6222:1999	1 CFU/mL
18	Phát hiện và định lượng Staphylococci gây bệnh – Phương pháp màng lọc		HLVS/PP/009WVS	1CFU/100 mL 1 CFU/250mL
II	**Lĩnh vực hóa học**			
1	Xác định hàm lượng Amoni Phần 1: Phương pháp quang phổ hấp thu phân tử	-Nước uống đóng chai; -Nước khoáng thiên nhiên đóng chai	TCVN 6179-1: 1996	0,2 mg/L

tuyettt.attp_Tran Thi Tuyet_30/12/2021 10:16:11

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/ phạm vi đo (nếu có)
2	Xác định độ màu	-Nước uống đóng chai; -Nước khoáng thiên nhiên đóng chai	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011)	5 mg Pt/L
3	Xác định chỉ số Permanganat		TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
4	Xác định hàm lượng tổng Canxi và Magiê Phương pháp chuẩn độ EDTA		TCVN 6224:1996	5 mg/L (CaCO3)
5	Xác định pH		TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	2 - 12
6	Xác định hàm lượng Sắt (Fe) - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử - ngọn lửa (F-AAS)		SMEWW 3111B 2017	0,2 mg/L
7	Xác định hàm lượng Mangan (Mn) - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử - ngọn lửa (F-AAS)		SMEWW 3111B 2017	0,1 mg/L
8	Xác định hàm lượng Chì (Pb) - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử - Lò Graphic (GF-AAS)		SMEWW 3113B 2017	0,005 mg/L
9	Xác định hàm lượng Nitrit -Phương pháp Sắc ký ion		TCVN 6494-1: 2011	0,05 mg/L
10	Xác định hàm lượng Nitrat - Phương pháp Sắc ký ion		TCVN 6494-1: 2011	0,1 mg/L
11	Xác định hàm lượng Clorua - Phương pháp Sắc ký ion		TCVN 6494-1: 2011	0,1 mg/L
12	Xác định hàm lượng Sunfat - Phương pháp Sắc ký ion		TCVN 6494-1: 2011	0,1 mg/L
13	Xác định hàm lượng Florua - Phương pháp Sắc ký ion		TCVN 6494-1: 2011	0,1 mg/L
14	Xác định hàm lượng Arsen (As)- Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử - Hóa hơi (Fias-AAS)		SMEWW 2017 (3114B)	0,3 µg/L
15	Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg) - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử - Hóa hơi (Fias-AAS)		SMEWW 2017 (3112B)	0,15 µg/L

Uyenttp_Tiểu Thị Tuyết_31/12/2021 10:16:11

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/ phạm vi đo (nếu có)
16	Xác định hàm lượng Sắt (Fe)- Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử - ngọn lửa (F-AAS)	Thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng	TCVN 10916:2015	0,15 mg/kg
17	Xác định hàm lượng Canxi (Ca)- Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử - ngọn lửa (F-AAS)		TCVN 10916:2015	0,05 mg/kg
18	Xác định hàm lượng Vitamin C- Phương pháp HPLC-DAD		HLVS/PP/087FHL	5 mg/kg
19	Xác định hàm lượng Natri Benzoat- Phương pháp HPLC-DAD		HLVS/PP/057FHL	5 mg/L
20	Xác định hàm lượng Kali Sorbat- Phương pháp HPLC-DAD		HLVS/PP/057FHL	5 mg/L
21	Xác định hàm lượng Sidelnafil- Phương pháp UHPLC-MSMS	Thực phẩm chức năng	Ref USP40– NF35 Page 6156	Rắn: 0,015 mg/kg Lỏng: 1,5 µg/L
22	Xác định hàm lượng Tadanafil - Phương pháp UHPLC-MSMS		Ref USP40– NF35 Page 6157	Rắn: 0,015 mg/kg Lỏng: 1,5 µg/L
23	Xác định hàm lượng Piroxicam - Phương pháp UHPLC-MSMS		Ref USP40–NF35 Page 5739	Rắn: 0,015 mg/kg Lỏng: 1,5 µg/L
24	Xác định hàm lượng Bethamethason - Phương pháp UHPLC-MSMS		Ref USP40–NF35 Page 3001	Rắn: 0,15 mg/kg Lỏng: 0,075 mg/L
25	Xác định hàm lượng Prednisolon - Phương pháp UHPLC-MSMS		Ref USP40–NF35 Page 5813	Rắn: 0,075 mg/kg Lỏng: 0,0075 mg/L

vnetts.atl... Tran Thi Tuyet_1/12/2021 10:16:...

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/ phạm vi đo (nếu có)
26	Xác định hàm lượng Sibutramin - Phương pháp UHPLC-MSMS	Thực phẩm chức năng	Ref USP40–NF35 Page 6154	Rắn: 0,75 mg/kg Lỏng: 0,075 mg/L
27	Xác định hàm lượng Cyproheptadine- Phương pháp UHPLC-MSMS		Ref USP40–NF35 Page 30619	Rắn: 0,075 mg/kg Lỏng: 0,0075 mg/L
28	Xác định hàm lượng Gingsenosid- Phương pháp UHPLC-MSMS		Ref USP 40 NF 35 Page 6805	Rb1: 10 µg/kg Rg1: 4 µg/kg
29	Xác định hàm lượng Curcumin- Phương pháp HPLC-DAD		Ref USP 40 NF 35 Page 6918	10 mg/L
30	Xác định hàm lượng Aflatoxin M1- Phương pháp UHPLC-MSMS	Sản phẩm sữa công thức	HLVS/PP/093FHL	0,01 µg/kg
31	Xác định hàm lượng Melamin- Phương pháp UHPLC-MSMS		HLVS/PP/094FHL	2 µg /kg
32	Xác định hàm lượng Chì (Pb)- Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử- lò Graphic (GF-AAS)	Dụng cụ chứa đựng tiếp xúc trực tiếp thực phẩm bằng Thủy tinh, Sứ (thôi nhiễm)	TCVN 7146-1: 2002	0,06 mg/L
33	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd)- Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử - lò Graphic (GF-AAS)		TCVN 7146-1: 2002	0,006 mg/L
34	Xác định hàm lượng Chì (Pb)- Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử- lò Graphic (GF-AAS)	Dụng cụ chứa đựng tiếp xúc trực tiếp thực phẩm bằng Kim loại (thôi nhiễm)	QCVN 12-3:2011/ BYT	0,06 mg/L
35	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd)- Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử-lò Graphic (GF-AAS)		QCVN 12-3:2011/ BYT	0,006 mg/L
36	Xác định hàm lượng Hàm lượng cặn khô trong nước		QCVN 12-3:2011/ BYT	

tuyettt.attp_Tran Thi Tuyet_31/12/2021 10:16:11